TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CT** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 306/2021/DS-ST
Ngày: 29/10/2021
V/v tranh chấp "Đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Anh Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đặng Văn Hiệp**

Bà **Đặng Thụy Thùy Nga**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Phục** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện CT tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Trinh** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **99**/2021/TLST-DS ngày 16/3/2021 về việc tranh chấp "Đòi tài sản".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số **140A**/2021/QĐXXST-DS ngày 12/10/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty trách nhiệm hữu hạn PL**. Địa chỉ: Số 152 đường Lý Thường Kiệt, Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện theo pháp luật: **Trần Hữu L** – Giám đốc Công ty

- Đại diện theo ủy quyền: **Đỗ Thị Ngọc H** – Kế toán bán hàng Công ty (có mặt).

2. Bị đơn: **Trương Đức T,** sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp T, xã DĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn* ***Công ty trách nhiệm hữu hạn PL*** *có đại diện theo pháp luật ông* ***Trần Hữu Lộc*** *và đại diện theo ủy quyền chị* ***Đỗ Thị Ngọc Huyền*** *cùng có ý kiến trình bày:*

Anh T là nhân viên tiếp thị của Công ty 4Oranges (Công ty trách nhiệm hữu hạn PL là nhà phân phối sản phẩm sơn nước cho Công ty 4Oranges), được Công ty 4Oranges cử đến để hỗ trợ tư vấn bán hàng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn PL từ trước năm 2013. Nhiệm vụ của anh T là tư vấn, bán hàng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn PL. Từ năm 2015 đến năm 2017 anh T có nhận sản phẩm từ Công ty trách nhiệm hữu hạn PL để bán và thu tiền khách hàng. Tuy nhiên quá trình giao nộp tiền thì anh T còn nợ 56.566.000 đồng chưa nộp cho Công ty. Nay yêu cầu anh T trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn PL 56.566.000 đồng.

Hiện tại Công ty không thể cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án theo Thông báo của Tòa án. Tuy theo hợp đồng thì anh T không có trách nhiệm thu tiền nhưng Công ty có nhờ anh T thu dùm Công ty, đối với các khách hàng cũng không thể cung cấp thông tin và chứng cứ đã giao tiền cho anh T.

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Trương Đức T có ý kiến trình bày:*

Theo hợp đồng mà anh ký kết với Công ty 4Oranges thì nhiệm vụ của anh là hỗ trợ tìm khách hàng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn PL, khi có khách hàng sẽ báo về Công ty PL để Công ty PL giao hàng cho khách hàng. Tuy nhiên quá trình thực hiện, Công ty PL nhờ anh thu tiền khách hàng để nộp cho Công ty.

Theo bảng chiết tính công nợ thể hiện trong đơn khởi kiện thì chỉ có khoản tiền chú Tiến là 5.695.000 đồng và thầu Tân số tiền 1.533.000 đồng chưa nộp nên đồng ý trả hai khoản tiền này. Đối với các khoản nợ còn lại anh chưa thu, nay cũng không thể cung cấp thông tin khách hàng.

** Tại phiên tòa,*

- Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; Nguyên đơn và bị đơn: Thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 5.695.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là quan hệ tranh chấp "Đòi tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nhân chứng Lâm Thùy Dung vắng mặt nhưng có lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Dung.

[3] Về nội dung:

Theo lời trình bày của các đương sự đã đủ cơ sở xác định: Bị đơn anh Trương Đức T là nhân viên tiếp thị của Công ty 4Oranges, nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn PL là nhà phân phối sản phẩm sơn nước cho Công ty 4Oranges. Bị đơn được Công ty 4Oranges cử đến để hỗ trợ tư vấn bán hàng cho nguyên đơn. Nhiệm vụ của bị đơn là tư vấn, bán hàng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn PL.

Nguyên đơn cho rằng: Từ năm 2015 đến năm 2017 bị đơn có nhận sản phẩm từ Công ty trách nhiệm hữu hạn PL để bán và nhờ bị đơn thu tiền hàng cho nguyên đơn, quá trình giao nộp tiền thì bị đơn còn nợ 56.566.000 đồng chưa giao nộp cho nguyên đơn. Phía bị đơn thì cho rằng chỉ còn khoản tiền thu của khách hàng tên Tiến là 5.695.000 đồng và Thầu Tân số tiền 1.533.000 đồng là chưa giao nộp.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chỉ cung cấp các hóa đơn bán hàng nhưng chỉ có 01 hóa đơn ghi tên khách hàng là chú Tiến và có chữ ký của bị đơn với số tiền còn lại chưa nộp là 5.695.000 đồng. Tòa án đã Thông báo cho nguyên đơn bổ sung thêm chứng cứ (như tên địa chỉ khách hàng, chứng cứ nhận tiền...) nhưng nguyên đơn không cung cấp được.

Theo hồ sơ giải quyết mà Công an huyện CT cung cấp cho Tòa án thể hiện nội dung bị đơn chỉ thừa nhận tổng số tiền hàng bị đơn thu được là 53.574.000 đồng, đã nộp trả tại Công an huyện 40.000.000 đồng. Do đó, bị đơn chỉ còn nợ lại 3.574.000 đồng.

Nguyên đơn và bị đơn cùng xác định trách nhiệm của bị đơn chỉ là hỗ trợ bán

hàng, việc thu tiền hàng chỉ thu dùm nguyên đơn, nên bị đơn chỉ có nghĩa vụ trả tiền hàng khi đã thu được tiền hàng cho nguyên đơn. Nguyên đơn không chứng minh được số tiền bị đơn đã thu được là 56.566.000 đồng, bị đơn chỉ thừa nhận số tiền 7.228.000 đồng (thu của khách hàng tên Tiến là 5.695.000 đồng và Thầu Tân số tiền 1.533.000 đồng) là chưa giao trả, số tiền này vẫn cao hơn số tiền còn nợ lại khi đối chiếu tại Công an huyện. Vì vậy, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 7.228.000 đồng.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu 5% án phí trên số tiền 7.228.000 đồng mà bị đơn có nghĩa vụ trả. Nguyên đơn phải chịu 5% án phí trên số tiền 49.338.000 đồng là số tiền yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 105,166, 579, 580 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn PL.

Buộc bị đơn anh Trương Đức T trả cho nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn PL 7.228.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh T phải chịu 361.400 đồng án phí.

Công ty trách nhiệm hữu hạn PL phải chịu 2.466.900 đồng án phí, được trừ vào 1.114.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004018 ngày 12/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT, nên phải nộp tiếp 1.352.900 đồng.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện CT;
- Chi cục THADS H. CT;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn